

Số: /QĐ-SNV

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án điều tra, mẫu phiếu điều tra xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 4749/KH-UBND ngày 07/12/2023 của UBND tỉnh về đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 của sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Sau khi xem xét Biên bản nghiệm thu phương án điều tra, phiếu điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của Hội đồng nghiệm thu ngày 03/01/2024,

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng chính quyền và Cải cách hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này phương án điều tra và mẫu phiếu điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giao Phòng Xây dựng chính quyền và Cải cách hành chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai tổ chức điều tra xã hội học theo phương án, mẫu phiếu đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở; Trưởng phòng Xây dựng chính quyền và Cải cách hành chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, XDCQ&CCHC.

GIÁM ĐỐC

Đào Thị Lan Anh

PHƯƠNG ÁN

Điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày / / 2024 của Sở Nội vụ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Điều tra nhằm phục vụ công tác đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố. Kết quả điều tra là kênh thông tin quan trọng giúp UBND tỉnh đánh giá được kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; là nguồn thông tin để các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh phân tích, đánh giá mặt mạnh, mặt hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính của đơn vị, để có những giải pháp phát huy mặt mạnh, khắc phục hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính trong sạch vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

2. Yêu cầu

Điều tra phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng phương pháp, khách quan và phù hợp với điều kiện thực tế. Kết quả điều tra phải đảm bảo tính chính xác, phản ánh trung thực kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 tại 20 sở, ban, ngành¹; 08 huyện, thành phố.

2. Đối tượng

- Các sở, ban, ngành tỉnh: Lấy ý kiến đánh giá của 4 nhóm đối tượng: (1) Đại biểu HĐND tỉnh; (2) lãnh đạo phòng, ban, đơn vị trực thuộc; (3) công chức các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; (4) lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (đánh giá Sở, ngành chủ quản).

- Các huyện, thành phố: Lấy ý kiến đánh giá 5 nhóm đối tượng: (1) Đại biểu HĐND huyện, thành phố; (2) lãnh đạo phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; (3) lãnh đạo các phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện, thành

¹ 19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.

phổ; (4) công chức các phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện, thành phố; (5) lãnh đạo UBND cấp xã.

3. Thời gian điều tra: Bắt đầu từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2024.

4. Mẫu phiếu điều tra

- Mẫu phiếu điều tra được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chí thành phần cần đánh giá qua khảo sát phù hợp với từng đối tượng. Các câu hỏi dễ hiểu, dễ thu thập, tổng hợp và phân tích kết quả điều tra.

- Tùy theo đối tượng lấy ý kiến, mỗi phiếu điều tra có số lượng câu hỏi khác nhau. Mỗi câu hỏi có các phương án khác nhau để lựa chọn trả lời (*Có mẫu phiếu kèm theo*).

- Số lượng phiếu: 1.396 phiếu, cụ thể:

STT	Đối tượng	Mẫu phiếu	Số lượng (phiếu)
I	Cấp sở: gồm 528 phiếu, cụ thể:		
1	Đại biểu HĐND tỉnh	CT-01	48
2	Lãnh đạo phòng chuyên môn các sở, ban, ngành tỉnh	CT-02	99
3	Công chức phòng chuyên môn các sở, ban, ngành tỉnh		199
4	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (đánh giá Sở, ngành chủ quản) ²	CT-03	182
II	Cấp huyện gồm 868 phiếu, cụ thể:		
1	Đại biểu HĐND cấp huyện	CH-01	120
2	Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc sở, ban, ngành	CH-02	99
3	Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc huyện	CH-03	184
4	Công chức phòng chuyên môn cấp huyện		253
5	Lãnh đạo UBND cấp xã		212

² Văn phòng HĐND-UBND các huyện, thành phố đánh giá Sở Y tế (trừ huyện Mường Tè)

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

a) Đối với cấp sở

STT	Nội dung	Thang điểm
1	Tác động của cải cách đến chất lượng văn bản Quy phạm pháp luật (VBQPPL) do tỉnh ban hành³	4.00
	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ban, ngành: 1 điểm	
	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ban, ngành: 1 điểm	
	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ban, ngành: 1 điểm	
	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ban, ngành: 1 điểm	
2	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	3.00
	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, quy chế phối hợp trong nội bộ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc: 1 điểm	
	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng, ban, đơn vị của cơ quan: 1 điểm	
	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giữa sở và huyện ⁴ : 1 điểm	
3	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	3.00
	Tình trạng tiêu cực trong bổ nhiệm công chức: 1,0 điểm	
	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng viên chức ⁵ : 1,0 điểm	
	Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức; trong đào tạo, điều động, luân chuyển công chức, viên chức: 1,0 điểm	
4	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	3.00
	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc: 1,0 điểm	

³ Đánh giá 19/20 sở, ngành (trừ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh)

⁴ Không đánh giá: Sở Ngoại vụ.

⁵ Không đánh giá: Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ.

	Tình thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc (<i>công chức xử lý công việc có kịp thời, đúng tiến độ, có để xảy ra tình trạng chậm, muộn không? Việc thực hiện trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ...</i>)?: 1,0 điểm	
	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây những nhiễu, phiền hà, trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc: 1,0 điểm	
5	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3.00
	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	
	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công: 1,0 điểm	
	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí theo quy định: 1,0 điểm	
6	Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	4.00
	Mức độ kịp thời, chính xác của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	
	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	
	Mức độ thuận tiện, an toàn trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	
	Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng của cấp huyện: 1,0 điểm	
	TỔNG	20.00

b) Đối với cấp huyện

STT	Nội dung	Thang điểm
1	Tác động của cải cách đến chất lượng văn bản Quy phạm pháp luật (VBQPPL) do huyện ban hành	4.00
	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện: 1,0 điểm	
	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện: 1,0 điểm	
	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện: 1,0 điểm	
	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện: 1,0 điểm	
2	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	3.00
	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, quy chế phối hợp trong nội bộ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc: 1,0 điểm	
	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng, ban, đơn vị của cơ quan: 1,0 điểm	

STT	Nội dung	Thang điểm
	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo lĩnh vực giữa huyện và xã: 1,0 điểm	
3	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	3.00
	Tình trạng tiêu cực trong bổ nhiệm công chức, viên chức: 1,0 điểm	
	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng viên chức: 1,0 điểm	
	Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức; trong đào tạo, điều động, luân chuyển công chức, viên chức: 1,0 điểm	
4	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	3.00
	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc: 1,0 điểm	
	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc (<i>công chức xử lý công việc có kịp thời, đúng tiến độ, có để xảy ra tình trạng chậm, muộn không? Việc thực hiện trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ...</i>): 1,0 điểm	
	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, nhũng nhiễu, trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc: 1,0 điểm	
5	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3.00
	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	
	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công: 1,0 điểm	
	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí theo quy định: 1,0 điểm	
6	Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	4.00
	Mức độ kịp thời, chính xác của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	
	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	
	Mức độ thuận tiện, an toàn trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: 1,0 điểm	

STT	Nội dung	Thang điểm
	Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng của cấp huyện: 1,0 điểm	
TỔNG		20.00

2. Phương pháp điều tra, điểm điều tra

a) Phương pháp điều tra: Phiếu điều tra được gửi trực tiếp đến người được điều tra theo địa chỉ mail cá nhân (mail công vụ/gmail) thông qua hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính. Mỗi cá nhân chỉ được trả lời 01 lần/1 mẫu phiếu điều tra.

b) Điểm điều tra: Tổng hợp số liệu và quy đổi điểm trên cơ sở thang điểm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc các lĩnh vực tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh. Điểm đạt được của từng câu hỏi tương đương với mức độ đánh giá theo phương án trả lời. Điểm điều tra xã hội học là điểm trung bình cộng của các nhóm được điều tra. Tổng điểm điều tra xã hội học là 20 điểm.

IV. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Chuẩn bị điều tra

- Lập dự toán điều tra.
- Xây dựng các mẫu phiếu điều tra (trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá thông qua điều tra xã hội học tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh); ban hành các văn bản triển khai điều tra xã hội học tới các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức điều tra.

2. Tổ chức điều tra, nhập số liệu

a) Tổ chức điều tra

Trên cơ sở Phương án điều tra được phê duyệt, Sở Nội vụ thông báo thời gian điều tra cho các đơn vị, địa phương và người được điều tra. Bắt đầu điều tra từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2024.

Phòng Xây dựng chính quyền và Cải cách hành chính gửi link phiếu điều tra đến địa chỉ mail cá nhân (mail công vụ/gmail) của từng người được điều tra theo danh sách được các đơn vị lập.

b) Tổng hợp kết quả điều tra

Trên cơ sở dữ liệu phần mềm tổng hợp kết quả đánh giá của người được điều tra, tiến hành phân tích, đánh giá kết quả điều tra theo từng tiêu chí đạt được của các đơn vị, địa phương.

Thời gian: Xong trước ngày 20 tháng 3 năm 2024.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Xây dựng chính quyền và Cải cách hành chính

- Xây dựng phương án điều tra; mẫu phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra.
- Phối hợp với các phòng chuyên môn của các cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra qua hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính.
- Tổng hợp, phân tích kết quả điều tra làm cơ sở tham mưu cho Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ban hành quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố.

2. Văn phòng Sở

- Phối hợp với Phòng Xây dựng chính quyền và Cải cách hành chính chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện các nhiệm vụ trong triển khai điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố.
 - Bố trí kinh phí và thanh quyết toán kinh phí điều tra xã hội học theo quy định hiện hành./.
-